

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH N**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 06/7/2020

V/v Tranh chấp Hôn nhân & Gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH N**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Từ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đình Đường và ông Nguyễn Văn Lý

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Lý Văn Dương - Thẩm tra viên  
Toà án nhân dân tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh N tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị P Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2020 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị P, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Xóm Phú Thành, xã Q, huyện Q, tỉnh N. Có mặt.

Bị đơn: Anh Trần Văn C, sinh năm 1986. Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Xóm Phú Thành, xã Q, huyện Q, tỉnh N. Địa chỉ hiện nay: Đài Loan. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị Trâm Ngọc, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Xóm Phú Thành, xã Q, huyện Q, tỉnh N. Vắng mặt (xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/10/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vũ Thị P trình bày: Chị và anh Trần Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh N vào ngày 10/02/2011. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 4 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống và tính cách; anh C đi làm không đưa tiền về nuôi con, không có trách nhiệm với vợ con. Đến năm 2015, vợ chồng sống ly thân. Năm 2018, anh C đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Kể từ khi sống ly thân cho đến nay, vợ chồng không còn liên lạc với nhau, không quan tâm đến nhau; mâu thuẫn vợ chồng ngày

càng trầm trọng, tình cảm không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn C. Về con chung: Chị và anh Trần Văn C có một con chung là Trần Vũ Quỳnh Anh, sinh ngày 09/4/2012, hiện đang sống với chị Trần Thị Trâm Ngọc (là chị gái của anh C). Cháu Quỳnh Anh ở với chị Ngọc từ tháng 3/2015 đến nay, vì sau khi ly thân chị về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Nếu chị Ngọc có yêu cầu chị phải chi trả tiền nuôi con từ năm 2015 đến nay thì chị cũng đồng ý. Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía anh Trần Văn C: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; yêu cầu anh C có quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án; Quyết định đưa vụ án ra xét xử ... cho anh Trần Văn C thông qua chị Trần Thị Trâm Ngọc là chị gái anh C do bố anh C đã chết, còn mẹ anh C là bà Lê Thị Bích không có mặt tại địa P; đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng nêu trên tại trụ sở UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An và nơi cư trú cuối cùng tại Việt Nam của anh C, nhưng hiện tại anh Trần Văn C vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Trâm Ngọc trình bày: Chị là chị gái của anh Trần Văn C. Chị đã nhận được toàn bộ văn bản do Tòa án tổng đạt cho anh C. Anh C hiện nay đang làm ăn tại Đài Loan, có thường xuyên liên lạc với chị qua mạng xã hội. Anh C đã biết được việc chị P khởi kiện xin ly hôn anh C tại Tòa án và anh C cũng đồng ý ly hôn nhưng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án. Chị Ngọc không cung cấp được địa chỉ của anh C do anh C không cung cấp cho chị. Về cháu Trần Vũ Quỳnh Anh, chị Ngọc thừa nhận sau khi vợ chồng anh C, chị P ly thân, chị đã trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Quỳnh Anh từ năm 2015 cho đến nay. Nếu Tòa án giải quyết cho chị P, anh C được ly hôn và theo nguyện vọng của chị P là được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Quỳnh Anh thì chị cũng đồng ý vì chị P là mẹ đẻ của cháu. Chị không yêu cầu chị P, anh C có nghĩa vụ thanh toán tiền nuôi con chung trong thời gian từ năm 2015 đến nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã 02 lần yêu cầu mẹ đẻ và chị gái của anh C cung cấp địa chỉ của anh C tại nước ngoài nhưng mẹ đẻ và chị gái anh C không cung cấp được. Việc anh Trần Văn C vắng mặt thuộc trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ. Anh C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định

của pháp luật và áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho chị Vũ Thị P được ly hôn anh Trần Văn C; giao con chung cho chị P chăm sóc, nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung chị P chưa yêu cầu nên chưa xem xét, khi nào đương sự yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án khác. Buộc chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; lời trình bày của đương sự được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Văn C hiện đang ở nước ngoài. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, theo chị Trần Thị Trâm Ngọc là chị gái của anh C xác định thì anh Trần Văn C hiện đang lao động tại Đài Loan, mặc dù không biết nơi cư trú cụ thể, nhưng anh Trần Văn C vẫn thường xuyên liên lạc về cho chị, anh C đã biết được việc chị P xin ly hôn và anh cũng đồng ý ly hôn với chị P nhưng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà thân nhân của anh C cũng không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh C cho Tòa án. Do đó, việc anh Trần Văn C vắng mặt thuộc trường hợp cố tình dấu địa chỉ, từ chối khai báo theo quy định tại Công văn số 253/TATC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài không rõ địa chỉ. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Chị Trần Thị Trâm Ngọc là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

[2] Về quan hệ tình cảm: Chị Vũ Thị P và anh Trần Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là hôn nhân hợp pháp. Theo chị Vũ Thị P trình bày thì vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc được 4 năm. Đến năm 2015, thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và tính cách; anh C không có trách nhiệm với vợ con. Năm 2018, anh C đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan cho đến nay. Vợ chồng đã cắt đứt mọi liên lạc và không quan tâm, chăm sóc nhau, không có ý thức hàn gắn, xây dựng hạnh phúc gia đình. Nay, chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án anh C đã biết được chị P làm đơn xin ly hôn nhưng anh C không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án. Tại phiên tòa, anh C vắng mặt. Xét thấy, hôn nhân giữa chị P và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho

chị Vũ Thị P được ly hôn anh Trần Văn C để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của chị P.

[3] Về con chung: Chị Vũ Thị P và anh Trần Văn C có một con chung là Trần Vũ Quỳnh Anh, sinh ngày 09/4/2012. Kể từ năm 2015, khi chị P và anh C ly thân, cháu Quỳnh Anh được chị Trần Thị Trâm Ngọc trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến nay. Anh C hiện đang ở nước ngoài, không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì con chung sau khi ly hôn phải được giao cho bố hoặc mẹ nuôi dưỡng; cháu Quỳnh Anh cũng có nguyện vọng được ở với chị P và chị Ngọc cũng đồng ý giao cháu Quỳnh Anh cho chị P nuôi. Vì vậy, cần giao con chung cho chị P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục như đề nghị của chị P là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P không yêu cầu và anh C cũng chưa có ý kiến nên Tòa án chưa xem xét. Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Theo chị Vũ Thị P trình bày thì vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, hiện nay anh Trần Văn C chưa có ý kiến nên Tòa án chưa có cơ sở để xem xét. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

[6] Chị Trần Thị Trâm Ngọc là người trực tiếp quản lý, chăm sóc cháu Trần Vũ Quỳnh Anh từ năm 2015 cho đến nay nhưng chị Ngọc không yêu cầu chị P, anh C thanh toán chi phí chăm sóc cháu Quỳnh Anh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Vũ Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Cho chị Vũ Thị P được ly hôn với anh Trần Văn C.
2. Về con chung: Giao cháu Trần Vũ Quỳnh Anh, sinh ngày 09/4/2012 cho chị Vũ Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Quỳnh Anh đủ 18 tuổi, trưởng thành.
3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Vũ Thị P chưa yêu cầu và anh Trần Văn C chưa có ý kiến gì nên Tòa án chưa xem xét. Anh Trần Văn C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có yêu cầu.

5. Về án phí: Chị Vũ Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị P đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003275 ngày 19/3/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh N.

6. Về quyền kháng cáo:

Chị Vũ Thị P có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Trần Văn C đang cư trú tại nước ngoài vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Chị Trần Thị Trâm Ngọc là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. /.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh N;
- Cục THADS tỉnh N;
- UBND xã Q;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Thu Từ**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Đình Đường**

**Nguyễn Văn Lý**

**Nguyễn Thị Thu Từ**

